

PHÁT TRIỂN TIẾNG ANH THÀNH NGÔN NGỮ THỨ HAI Ở BẬC HỌC ĐẠI HỌC: NHỮNG VIỆC CẦN LÀM NGAY

Trần Thị Minh Thảo
Học viện An ninh nhân dân

Tóm tắt: Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, tiếng Anh ngày càng giữ vai trò then chốt trong giáo dục đại học. Tuy nhiên, việc chuyển đổi từ dạy tiếng Anh như một môn học sang phát triển tiếng Anh như một ngôn ngữ thứ hai (L2) vẫn còn nhiều hạn chế tại nhiều cơ sở giáo dục. Để thúc đẩy quá trình phát triển tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai ở bậc đại học, tập trung vào thay đổi chính sách ngôn ngữ, phương pháp giảng dạy, môi trường sử dụng ngôn ngữ và năng lực giảng viên.

Từ khóa: Tiếng Anh; Ngôn ngữ thứ hai; Giáo dục đại học; Phương pháp giảng dạy; Hội nhập quốc tế

DEVELOPING ENGLISH AS A SECOND LANGUAGE AT THE UNIVERSITY LEVEL: IMMEDIATE ACTIONS NEEDED

Abstract: In the context of deep globalization and international integration, English is increasingly playing a pivotal role in higher education. However, the transition from teaching English as a subject to developing English as a second language (L2) still faces many limitations in various educational institutions. To promote the development of English as a second language in higher education, it is necessary to focus on changes in language policy, teaching methodologies, language use environments, and lecturers' competencies.

Keywords: English; Second language; Higher education; Teaching methodology; International integration.

Nhận bài: 12/03/2026

Phản biện: 11/04/2026

Duyệt đăng: 15/04/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phát triển tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai ở bậc học đại học là một yêu cầu mang tính chiến lược trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Tuy nhiên, để quá trình này diễn ra hiệu quả, cần có những hành động cụ thể và triển khai ngay từ cấp quản lý đến giảng dạy. Trước hết, các cơ sở giáo dục đại học cần chuyển đổi tư duy từ việc “dạy tiếng Anh như một môn học” sang “sử dụng tiếng Anh như một công cụ học tập và giao tiếp học thuật”. Điều này đòi hỏi xây dựng lộ trình áp dụng mô hình giảng dạy bằng tiếng Anh (EMI – English-Medium Instruction) một cách phù hợp với từng nhóm ngành. Không thể áp dụng đồng loạt, mà cần thí điểm ở các ngành có mức độ sẵn sàng cao như kinh tế, công nghệ thông tin hoặc du lịch. Bên cạnh đó, việc đổi mới phương pháp giảng dạy là yếu tố then chốt. Thay vì tập trung vào ngữ pháp và kiểm tra viết, cần tăng cường các hoạt động mang tính tương tác như thảo luận nhóm, thuyết trình, và học theo dự án. Điều này giúp sinh viên hình thành năng lực sử dụng tiếng Anh trong bối cảnh thực tế, thay vì chỉ học lý thuyết. Một yếu tố quan trọng khác là xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh trong nhà trường. Việc tạo ra các không gian học thuật bằng tiếng Anh, câu lạc bộ học tập, hội thảo chuyên môn hay

quy định khuyến khích giao tiếp tiếng Anh sẽ giúp sinh viên tiếp xúc ngôn ngữ một cách tự nhiên và thường xuyên hơn. Cuối cùng, cần chú trọng nâng cao năng lực giảng viên, đặc biệt là khả năng giảng dạy bằng tiếng Anh và thiết kế bài giảng theo chuẩn quốc tế. Đây là điều kiện tiên quyết để đảm bảo chất lượng của quá trình chuyển đổi.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Thực trạng phát triển tiếng Anh ở bậc đại học

Hiện nay, việc dạy và học tiếng Anh tại nhiều cơ sở giáo dục đại học vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế mang tính hệ thống, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả phát triển tiếng Anh như một ngôn ngữ thứ hai trong môi trường học thuật và nghề nghiệp.

Thứ nhất, phương pháp giảng dạy tiếng Anh vẫn còn nặng về ngữ pháp, cấu trúc và lý thuyết ngôn ngữ. Trong nhiều chương trình đào tạo, mục tiêu chủ yếu của môn tiếng Anh vẫn là giúp sinh viên đạt chuẩn điểm số trong các kỳ thi, hơn là phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ trong thực tiễn giao tiếp và học thuật. Vì vậy, quá trình học thường tập trung vào việc ghi nhớ quy tắc, làm bài tập điền từ, hoặc luyện kỹ năng làm bài thi, trong khi các kỹ năng quan trọng như nói, viết học thuật, phản biện và thuyết trình lại chưa được chú

trọng đúng mức. Hệ quả là sinh viên có thể đạt kết quả tốt trên giấy tờ nhưng lại thiếu khả năng sử dụng tiếng Anh linh hoạt trong môi trường học tập và làm việc thực tế. Sự thiếu gắn kết giữa “học ngôn ngữ” và “sử dụng ngôn ngữ” là một rào cản lớn trong việc hình thành năng lực ngôn ngữ bền vững.

Thứ hai, môi trường sử dụng tiếng Anh ngoài lớp học còn rất hạn chế. Phần lớn sinh viên chỉ tiếp xúc với tiếng Anh trong phạm vi giờ học chính khóa, trong khi các hoạt động học thuật, sinh hoạt ngoại khóa, hoặc giao tiếp hằng ngày trong khuôn viên nhà trường vẫn chủ yếu sử dụng tiếng mẹ đẻ. Việc thiếu môi trường “ngập ngôn ngữ” (language immersion) khiến sinh viên không có cơ hội thực hành thường xuyên, dẫn đến tình trạng “học xong là quên” hoặc ngại sử dụng tiếng Anh trong thực tế. Ngoài ra, nhiều trường chưa xây dựng được hệ sinh thái học tập hỗ trợ tiếng Anh như câu lạc bộ học thuật, diễn đàn thảo luận, hay các hoạt động nghiên cứu bằng tiếng Anh, làm giảm tính tự nhiên trong việc tiếp cận ngôn ngữ.

Thứ ba, việc tích hợp tiếng Anh vào giảng dạy các môn chuyên ngành (English-Medium Instruction – EMI) chưa được triển khai một cách đồng bộ và chiến lược. Hiện nay, EMI chủ yếu mới dừng ở mức thí điểm hoặc áp dụng ở một số chương trình chất lượng cao, chưa trở thành định hướng chung trong toàn hệ thống giáo dục đại học. Nhiều chương trình thiếu sự chuẩn bị về tài liệu giảng dạy, giáo trình phù hợp, cũng như chưa có khung năng lực tiếng Anh rõ ràng cho cả giảng viên và sinh viên. Điều này dẫn đến sự chênh lệch lớn giữa các ngành và các trường trong việc triển khai EMI, khiến quá trình chuyển đổi sang giảng dạy bằng tiếng Anh gặp nhiều khó khăn và thiếu tính bền vững.

Thứ tư, năng lực sử dụng tiếng Anh của đội ngũ giảng viên chuyên ngành vẫn còn là một thách thức đáng kể. Mặc dù nhiều giảng viên có trình độ chuyên môn sâu, nhưng khả năng giảng dạy bằng tiếng Anh còn hạn chế, đặc biệt ở kỹ năng diễn đạt học thuật, tương tác trong lớp học và thiết kế bài giảng bằng ngôn ngữ thứ hai. Bên cạnh đó, công tác đào tạo, bồi dưỡng giảng viên về EMI chưa được triển khai rộng rãi và liên tục, khiến việc chuyển đổi ngôn ngữ giảng dạy gặp

nhều rào cản. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng truyền đạt kiến thức mà còn tác động trực tiếp đến động lực học tập và khả năng tiếp thu của sinh viên.

Tóm lại, có thể thấy rằng việc phát triển tiếng Anh ở bậc đại học vẫn đang ở giai đoạn chuyển tiếp, với nhiều hạn chế về phương pháp, môi trường, chính sách và nguồn nhân lực. Nếu không có những cải cách mạnh mẽ và đồng bộ, mục tiêu đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong giáo dục đại học sẽ khó đạt được hiệu quả thực chất.

2.2. Những việc cần làm ngay

2.2.1. Chuyển đổi chính sách từ “dạy tiếng Anh” sang “giáo dục bằng tiếng Anh”

Việc chuyển đổi từ mô hình “dạy tiếng Anh như một môn học” sang “giáo dục bằng tiếng Anh” là một bước đi mang tính chiến lược trong quá trình quốc tế hóa giáo dục đại học. Trong bối cảnh hội nhập toàn cầu, tiếng Anh không chỉ đóng vai trò là ngoại ngữ mà đã trở thành công cụ học thuật quan trọng giúp sinh viên tiếp cận tri thức, nghiên cứu khoa học và tham gia vào môi trường làm việc quốc tế. Do đó, các trường đại học cần xây dựng một chiến lược ngôn ngữ rõ ràng, dài hạn, trong đó xác định tiếng Anh là một phương tiện giảng dạy và học tập chứ không đơn thuần là đối tượng học tập.

Trước hết, các cơ sở giáo dục cần thiết lập lộ trình cụ thể cho việc áp dụng mô hình giảng dạy bằng tiếng Anh (English-Medium Instruction – EMI). Việc triển khai không nên thực hiện đồng loạt mà cần có sự lựa chọn các ngành học phù hợp, đặc biệt là những lĩnh vực có tính quốc tế cao như kinh tế, công nghệ thông tin, du lịch, quản trị kinh doanh hoặc khoa học ứng dụng. Giai đoạn đầu có thể áp dụng một phần học phần bằng tiếng Anh, sau đó tiến tới tăng dần tỷ lệ và phạm vi giảng dạy bằng ngôn ngữ này.

Bên cạnh đó, chính sách ngôn ngữ của nhà trường cần được cụ thể hóa bằng các quy định rõ ràng về chuẩn đầu ra tiếng Anh cho cả sinh viên và giảng viên. Điều này bao gồm yêu cầu về năng lực ngôn ngữ tối thiểu, cơ chế hỗ trợ nâng cao năng lực, cũng như các chính sách khuyến khích sử dụng tiếng Anh trong giảng dạy và nghiên cứu.

Ngoài ra, việc chuyển đổi chính sách cũng cần đi kèm với đầu tư về học liệu, giáo trình và hệ thống hỗ trợ học tập phù hợp với môi trường EMI. Chỉ khi có sự đồng bộ giữa chính sách, chương trình đào tạo và năng lực thực thi, việc chuyển đổi từ “dạy tiếng Anh” sang “giáo dục bằng tiếng Anh” mới có thể mang lại hiệu quả thực chất và bền vững.

2.2.2. *Đổi mới phương pháp giảng dạy tiếng Anh*

Đổi mới phương pháp giảng dạy tiếng Anh là một trong những yếu tố then chốt nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo ngoại ngữ ở bậc đại học, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi sang sử dụng tiếng Anh như một công cụ học thuật. Việc duy trì phương pháp giảng dạy truyền thống, vốn tập trung chủ yếu vào ngữ pháp, từ vựng và luyện kỹ năng làm bài thi, đã bộc lộ nhiều hạn chế trong việc phát triển năng lực giao tiếp và tư duy bằng tiếng Anh của sinh viên. Do đó, cần thiết phải chuyển sang các phương pháp giảng dạy hiện đại, lấy người học làm trung tâm và gắn với thực tiễn sử dụng ngôn ngữ.

Trước hết, phương pháp dạy học theo nhiệm vụ (Task-based Learning – TBL) cần được áp dụng rộng rãi. Theo đó, sinh viên được đặt vào các tình huống giao tiếp cụ thể như giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm, hoặc hoàn thành dự án bằng tiếng Anh. Cách tiếp cận này giúp người học sử dụng ngôn ngữ một cách tự nhiên, đồng thời phát triển khả năng tư duy logic và kỹ năng làm việc nhóm trong môi trường học thuật.

Bên cạnh đó, học tập dựa trên nội dung (Content-based Instruction – CBI) cũng cần được tăng cường. Phương pháp này cho phép sinh viên học tiếng Anh thông qua các môn học chuyên ngành hoặc các chủ đề học thuật cụ thể, từ đó vừa tiếp thu kiến thức chuyên môn vừa phát triển năng lực ngôn ngữ một cách tích hợp. Điều này đặc biệt phù hợp với định hướng triển khai các chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh (EMI) trong giáo dục đại học.

Ngoài ra, việc tăng cường tương tác và thảo luận học thuật trong lớp học cũng đóng vai trò quan trọng. Giảng viên cần tạo môi trường khuyến khích sinh viên trình bày quan điểm, phản biện và trao đổi bằng tiếng Anh, thay vì chỉ tiếp nhận kiến thức một chiều. Các hoạt động như seminar,

debate, và presentation cần được đưa vào chương trình giảng dạy thường xuyên.

Mục tiêu cuối cùng của việc đổi mới phương pháp giảng dạy là giúp sinh viên sử dụng tiếng Anh như một công cụ tư duy và học tập, thay vì chỉ coi đây là một môn học mang tính lý thuyết. Khi tiếng Anh trở thành phương tiện để tiếp cận tri thức và giải quyết vấn đề, năng lực ngôn ngữ của người học sẽ được phát triển một cách tự nhiên, bền vững và có chiều sâu hơn.

2.2.3. *Xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh trong và ngoài lớp học*

Việc xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh đóng vai trò quyết định trong quá trình phát triển năng lực ngôn ngữ của sinh viên, bởi ngôn ngữ chỉ thực sự được hình thành và củng cố thông qua thực hành thường xuyên trong các bối cảnh giao tiếp đa dạng. Do đó, nhà trường cần hướng tới việc tạo lập một “hệ sinh thái tiếng Anh” toàn diện, trong đó tiếng Anh không chỉ xuất hiện trong giờ học mà còn được sử dụng rộng rãi trong các hoạt động học thuật và đời sống sinh viên.

Trước hết, việc phát triển các câu lạc bộ học thuật bằng tiếng Anh là một giải pháp quan trọng. Các câu lạc bộ này không chỉ tạo không gian giao tiếp tự nhiên mà còn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng thuyết trình, tranh biện và làm việc nhóm bằng tiếng Anh. Thông qua các hoạt động định kỳ như thảo luận chuyên đề, mô phỏng hội nghị hoặc trò chơi học thuật, sinh viên có cơ hội sử dụng ngôn ngữ trong môi trường ít áp lực hơn so với lớp học chính khóa, từ đó tăng sự tự tin và khả năng phản xạ ngôn ngữ.

Bên cạnh đó, việc tổ chức các hội thảo và seminar sử dụng tiếng Anh cần được đẩy mạnh và trở thành hoạt động thường xuyên trong các khoa, viện. Đây là môi trường học thuật quan trọng giúp sinh viên tiếp cận kiến thức chuyên ngành, đồng thời rèn luyện kỹ năng nghe – hiểu và trình bày bằng tiếng Anh trong bối cảnh học thuật thực tế. Khi tham gia các hoạt động này, sinh viên không chỉ học ngôn ngữ mà còn học cách tư duy và diễn đạt ý tưởng theo chuẩn mực học thuật quốc tế.

Ngoài ra, nhà trường cần xây dựng các quy định mang tính khuyến khích việc sử dụng tiếng Anh trong một số không gian học tập nhất định, chẳng hạn như thư viện, khu tự học hoặc ký túc

xá học thuật. Việc áp dụng các “English zones” hoặc “English days” có thể tạo động lực để sinh viên chủ động sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp hằng ngày, từ đó hình thành thói quen ngôn ngữ một cách tự nhiên.

Tổng thể, việc xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh không chỉ là biện pháp hỗ trợ mà còn là điều kiện tiên quyết để nâng cao hiệu quả đào tạo ngoại ngữ. Khi sinh viên được tiếp xúc với tiếng Anh liên tục và trong nhiều bối cảnh khác nhau, năng lực ngôn ngữ sẽ được phát triển một cách bền vững và toàn diện hơn.

2.2.4. Nâng cao năng lực giảng viên

Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên là điều kiện tiên quyết để triển khai thành công việc phát triển tiếng Anh như một ngôn ngữ thứ hai trong giáo dục đại học, đặc biệt trong bối cảnh mở rộng giảng dạy bằng tiếng Anh (EMI). Giảng viên không chỉ đóng vai trò truyền đạt kiến thức chuyên môn mà còn là nhân tố quyết định chất lượng môi trường học tập và khả năng sử dụng ngôn ngữ của sinh viên. Vì vậy, việc đào tạo lại và bồi dưỡng giảng viên cần được thực hiện một cách bài bản, liên tục và có định hướng rõ ràng.

Trước hết, cần nâng chuẩn năng lực tiếng Anh chuyên ngành cho giảng viên. Điều này không chỉ dừng lại ở khả năng giao tiếp cơ bản mà còn bao gồm năng lực đọc hiểu tài liệu học thuật, sử dụng thuật ngữ chuyên ngành chính xác và diễn đạt nội dung khoa học một cách mạch lạc bằng tiếng Anh. Các chương trình đánh giá và chuẩn hóa năng lực tiếng Anh cần được thiết kế phù hợp với từng lĩnh vực đào tạo, đảm bảo giảng viên đáp ứng được yêu cầu giảng dạy trong môi trường quốc tế hóa.

Bên cạnh đó, kỹ năng giảng dạy bằng tiếng Anh cần được chú trọng đặc biệt. Nhiều giảng viên có chuyên môn tốt nhưng chưa được trang bị đầy đủ phương pháp sư phạm khi giảng dạy bằng ngôn ngữ thứ hai. Do đó, các khóa đào tạo về EMI cần tập trung vào kỹ năng thiết kế bài giảng, quản lý lớp học đa ngôn ngữ, sử dụng ngôn ngữ đơn giản hóa học thuật (academic simplification) và kỹ thuật hỗ trợ sinh viên trong quá trình tiếp thu nội dung bằng tiếng Anh. Việc này giúp giảng viên không chỉ “biết tiếng Anh” mà còn “dạy tốt bằng tiếng Anh”.

Ngoài ra, việc tiếp cận các phương pháp sư phạm hiện đại theo chuẩn quốc tế cũng là yêu cầu quan trọng. Giảng viên cần được cập nhật các xu hướng giảng dạy tiên tiến như học tập lấy người học làm trung tâm, đánh giá dựa trên năng lực, dạy học tích hợp nội dung và ngôn ngữ (CLIL), cũng như ứng dụng công nghệ trong giảng dạy. Điều này giúp nâng cao chất lượng bài giảng, tăng tính tương tác và phù hợp với yêu cầu đào tạo trong bối cảnh toàn cầu hóa giáo dục.

Tổng thể, việc nâng cao năng lực giảng viên không chỉ là giải pháp hỗ trợ mà còn là nền tảng cốt lõi để đảm bảo tính bền vững của quá trình chuyển đổi sang giáo dục bằng tiếng Anh trong bậc đại học.

2.2.5. Đổi mới kiểm tra đánh giá

Đổi mới kiểm tra, đánh giá là một trong những khâu quan trọng nhằm đảm bảo tính hiệu quả và thực chất của quá trình dạy và học tiếng Anh ở bậc đại học. Nếu phương pháp giảng dạy đã được cải tiến theo hướng phát triển năng lực giao tiếp và tư duy học thuật, thì hệ thống đánh giá cũng cần thay đổi tương ứng để phản ánh đúng năng lực sử dụng ngôn ngữ của sinh viên, thay vì chỉ tập trung vào kiến thức lý thuyết.

Trước hết, cần tăng cường hình thức thuyết trình bằng tiếng Anh trong đánh giá kết quả học tập. Hoạt động này không chỉ giúp kiểm tra khả năng sử dụng ngôn ngữ nói mà còn đánh giá được tư duy logic, kỹ năng trình bày và khả năng phản biện của sinh viên. Thông qua các bài thuyết trình cá nhân hoặc nhóm, sinh viên được đặt vào tình huống giao tiếp học thuật thực tế, từ đó hình thành sự tự tin và khả năng diễn đạt ý tưởng một cách mạch lạc bằng tiếng Anh.

Bên cạnh đó, bài tập dự án (project-based assessment) cần được áp dụng rộng rãi hơn trong các học phần tiếng Anh và các môn học giảng dạy bằng tiếng Anh. Hình thức đánh giá này cho phép sinh viên vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, đồng thời phát triển kỹ năng làm việc nhóm, nghiên cứu và trình bày kết quả bằng tiếng Anh. Đây là phương pháp đánh giá toàn diện, phản ánh đúng năng lực tích hợp giữa kiến thức chuyên môn và năng lực ngôn ngữ.

Ngoài ra, việc đánh giá năng lực giao tiếp học thuật cần được chú trọng như một tiêu chí quan

trọng trong hệ thống kiểm tra. Thay vì chỉ kiểm tra khả năng làm bài thi viết, cần xây dựng các tiêu chí đánh giá kỹ năng nghe – nói – đọc – viết trong bối cảnh học thuật, bao gồm khả năng tham gia thảo luận, phản biện, viết báo cáo và sử dụng ngôn ngữ chuyên ngành. Điều này giúp đảm bảo rằng sinh viên không chỉ học tiếng Anh để thi, mà còn có thể sử dụng tiếng Anh như một công cụ học tập và nghiên cứu thực sự.

Nhìn chung, việc đổi mới kiểm tra và đánh giá theo hướng phát triển năng lực sẽ góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo tiếng Anh, đồng thời thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang sử dụng tiếng Anh như một ngôn ngữ học thuật trong giáo dục đại học.

III. KẾT LUẬN

Phát triển tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai ở bậc đại học là một xu hướng tất yếu trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Tiếng Anh không chỉ đóng vai trò là phương tiện giao tiếp mà còn là công cụ tiếp cận tri thức,

nghiên cứu khoa học và nâng cao năng lực cạnh tranh của nguồn nhân lực. Tuy nhiên, để quá trình chuyển đổi này đạt hiệu quả thực chất, cần có sự thay đổi mang tính hệ thống và đồng bộ trong toàn bộ hoạt động giáo dục đại học.

Trước hết, cần có sự điều chỉnh chính sách ngôn ngữ theo hướng coi tiếng Anh là công cụ giảng dạy và học tập, thay vì chỉ là một môn học độc lập. Đồng thời, việc đổi mới phương pháp giảng dạy, xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh, nâng cao năng lực giảng viên và cải tiến hệ thống kiểm tra đánh giá phải được triển khai đồng thời, có lộ trình rõ ràng và phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng cơ sở đào tạo.

Những giải pháp này không chỉ giúp nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh của sinh viên mà còn góp phần cải thiện chất lượng đào tạo đại học nói chung. Vì vậy, đây là những nhiệm vụ cấp thiết cần được triển khai ngay, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong thời đại hội nhập toàn cầu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Dang, T. K. A., Bohlinger, S., & Cong-Lem, N. (2024). Teachers' transformative agency in English-medium instruction in higher education in Vietnam: A cultural-historical theory perspective. *Journal of Multilingual and Multicultural Development*.
- Dearden, J. (2014). *English as a Medium of Instruction – a growing global phenomenon*. Oxford University, British Council.
- Richards, J. C. (2015). *Key Issues in Language Teaching*. Cambridge University Press.
- D., Snow, M., & Wesche, M. (2003). *Content-Based Second Language Instruction*. University of Michigan Press.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam (2020). *Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017–2025*.